

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi
trường của Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông
Dương 3 ngày 27 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
354/TTr-TNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3, địa chỉ tại xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với 02/04 dây chuyền sản xuất gạch tuynel theo công nghệ dẻo và bán dẻo của dự án “Nhà máy sản xuất gạch công nghệ dẻo và bán dẻo Đông Dương III” có địa chỉ tại thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất gạch công nghệ dẻo và bán dẻo Đông Dương III”.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104922633, do Sở Kế



hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/9/2010, phòng Đăng ký kinh doanh sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/10/2019; Quyết định chủ trương đầu tư số 189/QĐ-UBND do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 13/01/2017.

1.4. Mã số thuế: 0104922633

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch tuynel theo công nghệ dẻo và bán dẻo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 47.619 m².

- Công suất thiết kế: Sản xuất gạch tuynel theo công nghệ dẻo và bán dẻo với công suất 40 triệu viên QTC/năm. Công suất hiện tại: Sản xuất gạch tuynel theo công nghệ dẻo và bán dẻo với công suất 20 triệu viên QTC/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- UBND xã Cẩm Hưng;
- Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Công



Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07 /GPMT-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng.

- Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X(m): 2320665; Y(m)=566188.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được xả ra Mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng bằng đường ống PVC D40, dài 30 m theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT mức B, giá trị $C_{\max}$ với hệ số $K=1,2$ cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động; liên tục
1	pH	-	$5,5 \div 9$	Không	Không
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng colifoms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại các nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ bằng bể phốt theo đường ống PVC D110 dài 100 m tự chảy vào hệ thống XLNT.

* Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Sơ đồ công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → Bể lắng, khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế hệ thống: 5 m³/ngày.đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: 2 bể tự hoại (01 bể 4,5m³; 01 bể 15 m³; bể điều hòa 2,25 m³; bể thiếu khí 4,5 m³; bể hiếu khí 4,5 m³; bể lắng, khử trùng 2,25 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo viên 6 g/m³ nước thải tương đương 3g/ngày.

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: máy thổi khí 3kW

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Thường xuyên nạo vét, vệ sinh các bể xử lý và vận chuyển bùn thải phát sinh từ bể xử lý nước thải.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của bể xử lý và tiến hành kiểm tra, sửa chữa. Nước thải được lưu giữ tạm thời tại các ngăn của bể, sau khi sửa chữa xong sẽ được bơm lại ngăn thu gom để tiếp tục xử lý. Khi thời gian khắc phục sự cố dài, các ngăn không còn khả năng lưu chứa, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: trong vòng 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị vận hành thử nghiệm 5 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm
1	Nước thải trước xử lý	01
2	Nước thải sau xử lý	01

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước: Nước thải sau xử lý đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT ($C_{\max}$ với $K=1,2$) trước khi xả thải vào mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng.

3.3. Trong quá trình xả thải vào mương thoát nước chung nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước tiếp nhận, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND huyện Cẩm Giàng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của nhà máy. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND huyện Cẩm Giàng, Phòng Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.6. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến UBND huyện Cẩm Giàng, Phòng Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.8. Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3 chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Khí thải từ ống khói lò tuynel.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải: Khí thải từ ống khói lò tuynel.

2.1. Vị trí xả khí thải:

Toạ độ xả thải (theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi
chiều 3°): X(m) = 2320558; Y(m) = 566307

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 80.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24h/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải
đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19: 2009/BTNMT
mức B, C_{max} tương ứng K_p=0,9; K_v= 1,0) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần
2	Áp suất	mmHg	-	
3	Nhiệt độ	°C	-	
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	
5	SO ₂	mg/Nm ³	450	
6	NO ₂	mg/Nm ³	765	
7	CO	mg/Nm ³	900	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về
hệ thống thoát khí thải:

Khí từ lò nung được hút qua lò sấy bằng quạt hút công suất 37kW toàn bộ
khí thải lò sấy theo đường ống thép D800 tổng chiều dài khoảng 5m được hút ra

khoang trung gian và thoát qua ống khói bằng quạt xả công suất 55kW. Khí thải từ ống khói sẽ tự thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Lò nung → Quạt hút → Lò sấy → Quạt xả → Khoảng trung gian → Ống khói → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 80.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật:

+ Ống khói: 01 cái; chiều cao 45m, đường kính đáy D2600mm, đường kính trên D 1600mm; chất liệu thép.

+ Khoảng trung gian: 02 khoang; kích thước 4800x1900x3000mm.

+ Quạt hút: 04 quạt công suất 37 kW; lưu lượng 25.000 m³/h/quạt.

+ Quạt xả lò sấy: 02 quạt 55kW; lưu lượng 40.000 m³/h/quạt.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống, quạt hút của hệ thống.

+ Vận hành đúng quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Đào tạo, huấn luyện công nhân vận hành hệ thống để nắm rõ quy trình vận hành, các sự cố có thể xảy ra trong quá trình vận hành.

+ Dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc: 01 quạt 37kW, 01 quạt 55kW để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố hỏng hóc.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thuê đơn vị có chức năng đến sửa chữa trong trường hợp nhà máy không thể tự sửa chữa.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở thuộc trường hợp quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên hệ thống xử lý chất thải không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3 chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07 /GPMT-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị khu vực nghiên nguyên liệu.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị khu vực lò nung sấy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Toạ độ vị trí (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

TT	Toạ độ	
	X(m)	Y(m)
Nguồn số 1	2320621	566219
Nguồn số 2	2320555	566312

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 3-6 tháng/lần.
- Trồng cây xanh xung quanh để giảm thiểu ảnh hưởng tiếng ồn của máy móc thiết bị tới khu vực xung quanh.
- Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07 /GPMT-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Dạng tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	20	18 02 01
2	Dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1.500	17 02 03
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
4	Bao bì cứng bằng kim loại thành phần nguy hại	Rắn	200	18 01 02
5	Bao bì bằng nhựa cứng chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	18 01 03
	Tổng		1.726	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Thành phần	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Pallet hỏng	Rắn	150	11 02 02
2	Gạch nung vỡ, hỏng	Rắn	97.000	06 02 07
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bể tự hoại, hệ thống thoát nước mưa	Bùn	600	12 06 13
	Tổng		97.750	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 9 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 3 thùng chứa 20-50 lít.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: 01 kho chứa diện tích 20 m², kho có kết cấu nền bê tông, mái lợp tôn, tường quay tôn, có biển báo.

Bên ngoài cửa được dán các biển cảnh báo nguy hiểm; bố trí thiết bị PCCC (02 bình bột chữa cháy, 1 xô cát, 1 xẻng). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khu vực lưu chứa:

+ Gạch sản phẩm vỡ, loại sau khi nung được thu gom, tập kết tại khu vực nhà máy, 1 phần được tận dụng để tái sử dụng cho sản xuất, 1 phần được bán lại cho các đơn vị trên địa bàn có nhu cầu.

+ Gạch đỡ khi nung vỡ hỏng: Tập kết tại khu vực sản xuất, bán lại cho đơn vị cung cấp để tái chế.

+ Pallet gỗ hỏng thải bỏ: Tập kết tại khu vực lưu trữ CTR thông thường có diện tích 30 m², khi khối lượng lớn, Công ty thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: thu gom bằng thùng chứa 20 lít.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn khác

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại; bể xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước mưa: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07 /GPMT-UBND

ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Sau khi đã hoàn thành các hạng mục và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo của dự án, Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

2. Các hạng mục công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Giấy xác nhận số 97/GXN-STNMT ngày 09/06/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương về việc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất gạch công nghệ dẻo và bán dẻo Đông Dương III, thực hiện tại xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mà Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3 tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường như sau:

2.1. Danh mục các hệ thống, thiết bị sản xuất tiếp tục thực hiện

STT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Công suất
1	Dây chuyền sản xuất gạch tuynel	Hệ thống	02	10 triệu viên QTC/năm /HT

2.2. Danh mục hạng mục công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Công suất
1	Hệ thống thoát bụi, khí thải lò tuynel	Hệ thống	01	80.000 m ³ /h

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với Giấy phép này.

8. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.